

Ngày ban hành: 14/12/2020

Ngày cập nhật: 12/04/2024

Số cập nhật 24-01

VT-624 / VT-624S MS Construction Sealant

Keo MS Polymer Tiên Tiến



GỐC HÓA HỌC

Một thành phần MS Polymer

TRẠNG THÁI VẬT LÝ

Keo dạng sệt, không chảy (trước khi đóng rắn)
Cao su đàn hồi (sau khi đóng rắn)

MÀU SẮC TIÊU CHUẨN

Trắng
Xám
Đen

THỜI GIAN KHÔ BỀ MẶT

20 - 60 phút
(tại 25°C và độ ẩm tương đối (R.H) 50%)

ĐÓNG GÓI

290 mL/ống
(20 ống/thùng)
500 mL/ xức xích
(20 xức xích/thùng)
600 mL/ xức xích
(20 xức xích/thùng)

HẠN SỬ DỤNG

12 tháng (ống)
15 tháng (xức xích)

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, thông thoáng với nhiệt độ môi trường thấp hơn 30°C

NHIỆT ĐỘ SỬ DỤNG

5 °C – 40 °C

KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT

-30 °C – 90 °C

MÔ TẢ



Là loại keo đàn hồi tiêu chuẩn được sản xuất theo công nghệ keo MS Polymer tiên tiến. Đây là loại keo mô-đun thấp có khả năng chịu được co giãn $\pm 25\%$ và chống phong hóa tốt. VT-624 thích hợp dùng để trám các khớp lồi (các khớp nối tường với tường, tường với sàn) như là một phần của hệ thống chống thấm. Keo không thải dung môi, chất có thể gây ảnh hưởng không tốt đối với màng chống thấm gốc nước. Không như các loại keo trám Polyurethane, keo đông kết nhanh hơn và không gây sủi bọt khi đông kết. Keo còn lý tưởng dùng để trám khung cửa sổ & cửa ra vào thuộc các công trình đòi hỏi trám đàn hồi có thể sơn được.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cơ chế đóng rắn	: Đóng rắn với hơi ẩm,	
Khối lượng riêng	: 1.65 g/mL	
Cường độ kéo	: 1.1 N/mm ²	ASTM D412
Độ sụt, lún	: <1mm	ASTM D2202
Độ giãn dài tối đa	: 600 %	ASTM D412
Độ cứng Shore A	: 30	ASTM C661
Khả năng chuyển vị	: $\pm 25\%$	ASTM C719
Tuân thủ VOC thấp	: Yes	SCAQMD Rule #1168
Hàm lượng VOC	: 15.55 g/L	USEPA Method 24
Độ sâu lưu hóa (24 giờ) (tại 25°C và độ ẩm tương đối (R.H) 50%)	: Approx. 4 mm	

ĐẶC TÍNH

- $\pm 25\%$ khả năng co giãn
- Tuân thủ hàm lượng VOC thấp
- Chống tia cực tím tốt
- Sơn được
- Không Isocyanate - Không sủi bọt
- Không dung môi - Không co ngót

Thí nghiệm áp dụng / Tiêu chuẩn:

VT-624 meets the requirements of:

- ASTM C920, Type S, Grade NS, Class 25, Use NT, M & A
- Low VOC - USEPA Method 24 under rule 1168

Ứng dụng

Được đề xuất để sử dụng trám các khớp lồi (khớp nối co giãn tường với tường), khớp nối ốp tường đúc sẵn, khe co giãn, khe kiểm tra, mối nối liên kết, v.v... Keo còn lý tưởng dùng để trám khung cửa sổ/cửa ra vào, đặc biệt ở những nơi keo cần được sơn. Các ứng dụng được đề xuất khác bao gồm dán hệ thống ốp tường, nhôm anod hóa, vữa, sứ, kim loại trắng, gỗ thành phẩm, keo nhựa epoxy và tấm polyester, nhựa UPVC, polystyrene, và thép không gỉ.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

- Tất cả bề mặt phải được khô và sạch; loại bỏ bụi bẩn, mỡ, dầu hoặc nước đọng
- Để hoàn thiện gọn gàng hơn, sử dụng băng keo chuyên dụng và tháo bỏ ngay sau khi thi công.
- Sơn lót 602 được đặc biệt được khuyến dùng cho các bề mặt rỗng, xốp như bê tông để có được độ bám dính tốt nhất.
- Đối với các khe trám được thiết kế có độ sâu trên 10 mm, sử dụng các vật liệu đệm đã được phê duyệt

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dạng ống:

- Cắt đầu ống thật cẩn thận.
- Cắt đầu vôi theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
- Sử dụng súng bơm và bơm keo trám thành 1 đường.
- Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

Xức xích:

- Cắt phần đầu xúc xích thật cẩn thận và đặt xúc xích vào súng.
- Cắt đầu vôi theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
- Lắp đầu vôi vào súng và vận chặt.
- Bơm keo trám thành 1 đường.
- Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-624 / VT-624S MS Construction Sealant	

Ngày ban hành: 14/12/2020

Ngày cập nhật: 12/04/2024

Số cập nhật 24-01

VT-624

MS Construction Sealant

VỆ SINH

- Keo trám ướt có thể được lau sạch với acetone hoặc dung môi thích hợp.
- Keo trám sau khi đông rắn chỉ có khả năng được loại bỏ bằng cơ học.

THIẾT KẾ MỐI NỐI

- Kích thước khe hở nên được thiết kế có tính đến khả năng chuyển động của keo và chuyển động dự kiến của khe hở.
- Tỷ lệ chiều rộng và chiều sâu của khe hở thường là 2:1 đối với khe có chiều rộng ≥ 12 mm hoặc 1:1 đối với khe có chiều rộng < 12 mm.
- Chiều rộng khe hở: tối thiểu = 6 mm, tối đa = 35 mm.
- Chiều sâu khe hở: tối thiểu = 6 mm, tối đa = 12 mm.

Có thể bịt kín các khe hở có chiều rộng lớn hơn, nhưng keo có thể bị chảy xệ khi ứng dụng trên bề mặt dọc.

ĐỊNH MỨC

Chiều rộng	Chiều sâu	Định mức (300 ml) *
6 mm	6 mm	7.58 mét
10 mm	10 mm	2.73 mét
20 mm	10 mm	1.36 mét
25 mm	12 mm	0.91 mét

* Định mức ở trên là gần đúng, dựa trên giả định hao hụt 10%. Định mức thực tế có thể thay đổi.

Công thức tính:

$$X / [(Y \times Z) \times 1.1] = \text{định mức}$$

X = thể tích của ống (hay dạng xúc xích) ml

Y = độ rộng khe cm

Z = độ sâu khe cm

1.1 = hao hụt giả định 10%.

Định mức = độ dài kéo đạt được trên mỗi ống hoặc xúc xích.

HẠN CHẾ

Không khuyến nghị cho các ứng dụng sau:

- Dưới mực nước hoặc ngâm trong nước vĩnh viễn.
- Bịt kín/kết dính ngoài trời gần các bề mặt kính.
- Trên bề mặt polyethylene, polypropylene, polytetrafluoroethylene (Teflon), neoprene và bitum.
- Sơn phủ với:
 - Sơn nhựa alkyd - gây ức chế lưu hóa cho sơn.
 - Sơn chứa clo - gây vấn đề về ô màu.
 - Sơn gốc dầu - không tương thích.

CHÚ Ý

Sản phẩm giải phóng methyl ethylketoxime trong quá trình thi công và đông rắn. Có thể gây dị ứng da. Tránh hít hơi. Không được phép mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc. Mang bao tay bảo vệ. **NEU DÍNH VÀO DA:** Rửa sạch bằng xà phòng và nước. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy nhận sự tư vấn / chăm sóc y tế. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Tránh xa tầm tay trẻ em. Chứa aminosilane. Có thể gây nên dị ứng. Tài liệu hướng dẫn an toàn có sẵn theo yêu cầu. Để biết thêm thông tin về sức khỏe và an toàn, hãy tham khảo thêm tài liệu an toàn mới nhất.

GHI CHÚ PHÁP LÝ

Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng thông tin được cung cấp ở đây là đúng sự thật và đáng tin cậy nhưng nó chỉ được cung cấp để hướng dẫn khách hàng của chúng tôi. Công ty không thể chịu bất kỳ trách nhiệm nào về mất mát hoặc thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin, do khả năng thay đổi của quá trình xử lý hoặc điều kiện làm việc và tay nghề nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Người tiêu dùng nên xác nhận tính phù hợp của sản phẩm này bằng các thử nghiệm trước khi sử dụng.

THÔNG TIN BẢO HÀNH GIỚI HẠN

Vital Technical cung cấp bảo hành vật liệu trong thời gian 5 năm nếu sản phẩm được sử dụng trong thời hạn bảo quản và tuân thủ các quy trình ứng dụng tiêu chuẩn công nghiệp. Vital Technical từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp hoặc ngẫu nhiên nào do sử dụng sai cách. Bảo hành vật liệu chỉ bao gồm việc thay thế sản phẩm mà không bao gồm các chi phí khác phát sinh, nếu lỗi được chứng minh là liên quan trực tiếp đến sản phẩm trong thời gian bảo hành. Bảo hành vật liệu chỉ được áp dụng khi khách hàng nộp đầy đủ các tài liệu và thông tin cần thiết, và thư bảo hành vật liệu chính thức được Vital Technical phát hành. Mọi yêu cầu bảo hành phải được gửi trực tiếp tới Vital Technical dưới dạng văn bản. Vital Technical sẽ không chịu trách nhiệm cho đến khi đại diện của Vital Technical tiến hành kiểm tra hiện trường để xác nhận sự cố được báo cáo.